

恒元联合法律事务所 EVER ONE LAW FIRM



投资指南 IG-2407 Cẩm nang Đầu tư 2024-07-02

标题 Tiêu đề	在线和银行卡支付的实施安全可靠解决方案 TRIỂN KHAI CÁC GIẢI PHÁP AN TOÀN, BẢO MẬT TRONG THANH TOÁN TRỰC TUYẾN VÀ THANH TOÁN THẺ NGÂN HÀNG
编撰 Người soạn	律师 段晋达 Luật sư Đoàn Tấn Đạt
涉及范围 Phạm vi liên quan	越南国家银行、在线支付、银行卡支付、脸部辨识、更新生物 识别数据 NHNN VN, Thanh toán trực tuyến, Thanh toán thẻ ngân hàng, Nhận diện khuôn mặt, Cập nhật dữ liệu sinh trắc

Think for you Do for you
为您思考 用心服务



在线和银行卡支付的实施安全可靠解决方案

TRIỂN KHAI CÁC GIẢI PHÁP AN TOÀN, BẢO MẬT TRONG THANH TOÁN TRỰC TUYẾN VÀ THANH TOÁN THẺ NGÂN HÀNG

2023年12月18日，越南国家银行行长批准发布2345/QĐ-NHNN号决定书，关于在线和银行卡支付的实施安全可靠解决方案，该决定书包括以下两项最重要的内容：

Ngày 18/12/2023, Thống đốc Ngân hàng nhà nước Việt Nam đã phê chuẩn ban hành Quyết định số 2345/QĐ-NHNN về việc triển khai các giải pháp an toàn, bảo mật trong thanh toán trực tuyến và thanh toán thẻ ngân hàng, Quyết định bao gồm 02 nội dung quan trọng nhất sau đây:

内容一：决定书附件一明确规定A、B、C、D类交易的划分标准如下：

Nội dung 1: Quy định rõ tiêu chí phân loại các loại giao dịch A, B, C, D tại Phụ lục I ban hành kèm theo Quyết định như sau:

1.1. 备注Chú thích:

1.1.1. G: 交易额 Giá trị giao dịch;

1.1.2. T: 一天内的总交易额 Tổng giá trị giao dịch trong ngày;

1.1.3. T_{ksth} : 一天内的A类交易和B类交易 Tổng giá trị giao dịch loại A và loại B trong ngày.

1.2. 针对客户是个人：Đối với khách hàng cá nhân:

1.2.1. 第一组：同一银行、同一户主的信息查询和转账交易：所有交易均为A类

Nhóm 1 – Các giao dịch tra cứu thông tin và các giao dịch chuyển tiền trong cùng ngân hàng, cùng chủ tài khoản: Tất cả các giao dịch đều thuộc loại A.

1.2.2. 第二组：透过非银行的合法组织（NAPAS、VNPAY、M_SERVICE、ZION、ShopeePay...）进行商品和服务付款等交易：

Nhóm 2 – Các giao dịch thanh toán hàng hóa, dịch vụ hợp pháp được thực hiện thông qua các tổ chức trung gian thanh toán không phải ngân hàng (NAPAS, VNPAY, M_SERVICE, ZION, ShopeePay,...):

1.2.2.A. A类： $G + T \leq 500$ 万越盾

Loại A: $G + T \leq 5$ triệu VND;

在线和银行卡支付的实施安全可靠解决方案

TRIỂN KHAI CÁC GIẢI PHÁP AN TOÀN, BẢO MẬT TRONG THANH TOÁN TRỰC TUYẾN VÀ THANH TOÁN THẺ NGÂN HÀNG

1.2.2.B. B类： $G + T \leq 1$ 亿越盾；

Loại B: 5 triệu VND $< G + T \leq 100$ triệu VND;

1.2.2.C. C类： 1 亿越盾 $< G + T \leq 15$ 亿越盾；

Loại C: 100 triệu VND $< G + T \leq 1,5$ tỷ VND;

1.2.2.D. D类： $G + T > 15$ 亿越盾；

Loại D: $G + T > 1,5$ tỷ VND.

1.2.3. 第3组：同一银行、不同户主的转账交易；境内银行之间转账；电子货币包之间转账；在电子货币包存款和提款；

Nhóm 3 – Các giao dịch chuyển tiền trong cùng ngân hàng, khác chủ tài khoản; chuyển tiền liên ngân hàng trong nước; chuyển tiền giữa các ví điện tử; nạp, rút tiền ví điện tử;

1.2.3.A. A类：该组没有A类交易；

Loại A: Nhóm này không có giao dịch loại A;

1.2.3.B. B类： $G \leq 1000$ 万越盾； $G + T_{ksth} \leq 2000$ 万越盾；

Loại B: $G \leq 10$ triệu VND; $G + T_{ksth} \leq 20$ triệu VND;

1.2.3.C. C类：满足以下两种情况之一：

Loại C: Thỏa mãn một trong hai trường hợp:

1.2.3.C.1. 情况1： $G \leq 1000$ 万越盾； $G + T_{ksth} > 2000$ 万越盾； $G + T \leq 15$ 亿越盾。

Trường hợp 1: $G \leq 10$ triệu VND; $G + T_{ksth} > 20$ triệu VND; $G + T \leq 1,5$ tỷ VND.

1.2.3.C.2. 情况2： $G > 1000$ 万越盾； $G \leq 5$ 亿越盾； $G + T \leq 15$ 亿越盾。

Trường hợp 2: $G > 10$ triệu VND; $G \leq 500$ triệu VND; $G + T \leq 1,5$ tỷ VND.

在线和银行卡支付的实施安全可靠解决方案

TRIỂN KHAI CÁC GIẢI PHÁP AN TOÀN, BẢO MẬT TRONG THANH TOÁN TRỰC TUYẾN VÀ THANH TOÁN THẺ NGÂN HÀNG

1.2.3.D. D类：满足以下三种情况之一：

Loại D: Thỏa mãn một trong ba trường hợp:

1.2.3.D.1. 情况1： $G \leq 1000$ 万越盾； $G + Tksth > 2000$ 万越盾； $G + T > 15$ 亿越盾。

Trường hợp 1: $G \leq 10$ triệu VND; $G + Tksth > 20$ triệu VND; $G + T > 1,5$ tỷ VND.

1.2.3.D.2. 情况2： $G > 1000$ 万越盾； $G \leq 5$ 亿越盾； $G + T > 15$ 亿越盾。

Trường hợp 2: $G > 10$ triệu VND; $G \leq 500$ triệu VND; $G + T > 1,5$ tỷ VND.

1.2.3.D.3. 情况3： $G > 5$ 亿越盾。

Trường hợp 3: $G > 500$ triệu VND.

1.2.4. 第4组：转账到国外银行的交易：

Nhóm 4 – Các giao dịch chuyển tiền liên ngân hàng ra nước ngoài:

1.2.4.A. A类：该组没有A类交易；

Loại A: Nhóm này không có giao dịch loại A;

1.2.4.B. B类：该组没有B类交易；

Loại B: Nhóm này không có giao dịch loại B;

1.2.4.C. C类： $G \leq 2$ 亿越盾； $G + T \leq 10$ 亿越盾。

Loại C: $G \leq 200$ triệu VND; $G + T \leq 1$ tỷ VND.

1.2.4.D. D类：满足以下两种情况之一：

Loại D: Thỏa mãn một trong hai trường hợp:

1.2.4.D.1. 情况1： $G \leq 2$ 亿越盾； $G + T > 10$ 亿越盾；

Trường hợp 1: $G \leq 200$ triệu VND; $G + T > 1$ tỷ VND;

1.2.4.D.2. 情况2： $G > 2$ 亿越盾。

Trường hợp 2: $G > 200$ triệu VND.

在线和银行卡支付的实施安全可靠解决方案

TRIỂN KHAI CÁC GIẢI PHÁP AN TOÀN, BẢO MẬT TRONG THANH TOÁN TRỰC TUYẾN VÀ THANH TOÁN THẺ NGÂN HÀNG

1.3. 针对客户是组织：Đối với khách hàng tổ chức:

1.3.1. 第1组：同一银行、同一户主的信息查询和转账交易：所有交易均为A类。

Nhóm 1 – Các giao dịch tra cứu thông tin và các giao dịch chuyển tiền trong cùng ngân hàng, cùng chủ tài khoản: Tất cả các giao dịch đều thuộc loại A.

1.3.2. 第2组：同一银行、同一户主的转账交易：所有交易均为A类。

Nhóm 2 – Các giao dịch chuyển tiền trong cùng ngân hàng, cùng chủ tài khoản: Tất cả các giao dịch đều thuộc loại B.

1.3.3. 第3组：同一银行、不同户主的转账交易；境内银行之间转账；透过非银行的合法组织进行商品和服务付款等交易；电子货币包之间转账；在电子货币包存款和提款：

Nhóm 3 – Các giao dịch chuyển tiền trong cùng ngân hàng, khác chủ tài khoản; chuyển tiền liên ngân hàng trong nước; các giao dịch thanh toán hàng hóa, dịch vụ hợp pháp được thực hiện thông qua các tổ chức trung gian thanh toán không phải ngân hàng; chuyển tiền giữa các ví điện tử; nạp, rút tiền ví điện tử:

1.3.3.A. A类：该组没有A类交易；

Loại A: Nhóm này không có giao dịch loại A;

1.3.3.B. B类：该组没有B类交易；

Loại B: Nhóm này không có giao dịch loại B;

1.3.3.C. C类：G ≤ 10亿越盾；G + T ≤ 100亿越盾；

Loại C: $G \leq 1 \text{ tỷ VND}$; $G + T \leq 10 \text{ tỷ VND}$;

1.3.3.D. D类：满足以下两种情况之一：

Loại D: Thỏa mãn một trong hai trường hợp:

1.3.3.D.1. 情况1：G ≤ 10亿越盾；G + T > 100亿越盾；

Trường hợp 1: $G \leq 1 \text{ tỷ VND}$; $G + T > 10 \text{ tỷ VND}$;

1.3.3.D.2. 情况2：G > 10亿越盾。

在线和银行卡支付的实施安全可靠解决方案

TRIỂN KHAI CÁC GIẢI PHÁP AN TOÀN, BẢO MẬT TRONG THANH TOÁN TRỰC TUYẾN VÀ THANH TOÁN THẺ NGÂN HÀNG

1.3.4. 第4组：转账到国外银行的交易：

Nhóm 4 – Các giao dịch chuyển tiền liên ngân hàng ra nước ngoài:

1.3.4.A. A类：该组没有A类交易；

Loại A: Nhóm này không có giao dịch loại A;

1.3.4.B. B类：该组没有B类交易；

Loại B: Nhóm này không có giao dịch loại B;

1.3.4.C. C类：G ≤ 5亿越盾；G + T ≤ 50亿越盾；

Loại C: $G \leq 500$ triệu VND; $G + T \leq 5$ tỷ VND;

1.3.4.D. D类：满足以下两种情况之一：

Loại D: Thỏa mãn một trong hai trường hợp:

1.3.4.D.1. 情况1：G ≤ 5亿越盾；G + T > 50亿越盾；

Trường hợp 1: $G \leq 500$ triệu VND; $G + T > 5$ tỷ VND;

1.3.4.D.2. 情况2：G > 5亿越盾。

Trường hợp 2: $G > 500$ triệu VND.

内容二：针对在线支付的交易等验证措施规定（第2345/QĐ-NHNN号决定第一条），具体如下：

Nội dung 2: Quy định các biện pháp xác thực đối với các giao dịch thanh toán trực tuyến qua mạng Internet (Điều 1 Quyết định số 2345/QĐ-NHNN), cụ thể như sau:

1.1. 针对客户是个人：Đối với khách hàng cá nhân:

1.1.1. A类交易：登录名称、密码或PIN（如果在登录步骤验证，则在进行交易步骤不需要验证）；

Giao dịch loại A: Tên đăng nhập, mật khẩu hoặc mã PIN (trường hợp đã xác thực tại bước đăng nhập thì không bắt buộc phải xác thực tại bước thực hiện giao dịch);

在线和银行卡支付的实施安全可靠解决方案

TRIỂN KHAI CÁC GIẢI PHÁP AN TOÀN, BẢO MẬT TRONG THANH TOÁN TRỰC TUYẾN VÀ THANH TOÁN THẺ NGÂN HÀNG

1.1.2. B类交易：基本或升级的OTP验证、双层验证、通过智能手机进行生物识别验证、安全电子签名验证；

Giao dịch loại B: Các hình thức xác thực OTP cơ bản hoặc nâng cao, xác thực hai kênh, xác thực sinh trắc học gắn liền với thiết bị cầm tay thông minh, xác thực bằng chữ ký điện tử an toàn;

1.1.3. C类交易：生物识别验证与身份证特征相符、eID帐户验证与用户数据相符、生物识别验证与eID数据相符（建议与基本OTP验证）；

Giao dịch loại C: Xác thực sinh trắc học khớp với CCCD, xác thực tài khoản định danh điện tử khớp với dữ liệu người dùng, xác thực sinh trắc học khớp với dữ liệu định danh điện tử (khuyến khích kết hợp với xác thực OTP cơ bản);

1.1.4. D类交易：生物识别验证与身份证特征相符、eID验证、生物识别验证与eID数据相符结合升级的OTP验证、FIDO标准验证、透过安全电子签名验证。

Giao dịch loại D: Xác thực sinh trắc học khớp với CCCD, xác thực tài khoản định danh điện tử, xác thực sinh trắc học khớp với dữ liệu định danh điện tử kết hợp với xác thực OTP nâng cao, xác thực theo chuẩn FIDO, xác thực bằng chữ ký điện tử an toàn.

1.2. 对于客户是组织：Đối với khách hàng tổ chức:

1.2.1. A类交易：登录名称、密码或PIN（如果在登录步骤验证，则在进行交易步骤不需要验证）；

Giao dịch loại A: Tên đăng nhập, mật khẩu hoặc mã PIN (trường hợp đã xác thực tại bước đăng nhập thì không bắt buộc phải xác thực tại bước thực hiện giao dịch);

1.2.2. B类交易：基本或升级的OTP验证；法定代表人、会计负责人通过智能手机进行生物识别验证；

Giao dịch loại B: Các hình thức xác thực OTP cơ bản, xác thực sinh trắc học của người đại diện hợp pháp, người phụ trách kế toán gắn liền với thiết bị cầm tay thông minh;

在线和银行卡支付的实施安全可靠解决方案

TRIỂN KHAI CÁC GIẢI PHÁP AN TOÀN, BẢO MẬT TRONG THANH TOÁN TRỰC TUYẾN VÀ THANH TOÁN THẺ NGÂN HÀNG

1.2.3. C类交易：基本OTP验证、双层验证；

Giao dịch loại C: Các hình thức xác thực OTP cơ bản, xác thực hai kênh;

1.2.4. D类交易：升级OTP验证、FIDO标准验证、安全电子签名验证。

Giao dịch loại D: Xác thực OTP nâng cao, xác thực theo chuẩn FIDO, xác thực bằng chữ ký điện tử an toàn.

1.3. 较高等级交易的验证措施可用于依从 D（最高）到 A（最低）等级交易进行验证。

Các biện pháp xác thực đối với giao dịch có mức độ cao hơn có thể được sử dụng để xác thực các giao dịch có mức độ thấp hơn theo thứ tự giảm dần từ D (cao nhất) trở về A (thấp nhất).

本决定自2024年7月1日起生效，并取代第630/QĐ-NHNN号决定。

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/07/2024 và thay thế Quyết định số 630/QĐ-NHNN.

目前，在越南境内营运的商业银行和信贷机构迫切要求在身份证芯片上补充脸部辨识和更新生物识别数据，以避免进行交易时出现风险。

Hiện nay các ngân hàng thương mại và tổ chức tín dụng hoạt động trong lãnh thổ Việt Nam đang gấp rút yêu cầu bổ sung nhận diện khuôn mặt và cập nhật dữ liệu sinh trắc trên chip CCCD, Quý khách vui lòng thực hiện kịp thời và đầy đủ để tránh rủi ro khi thực hiện giao dịch./.



联络方式 / Liên lạc chúng tôi



www.everwin-group.com

No.23, Ni Su Huynh Lien St., Ward 10, Tan Binh District, HCMC

☎ M +84 907 216 188

☎ T +84 28 3975 6888

☎ F +84 28 3860 3999

✉ business@everwin-group.com

No.133, Ni Su Huynh Lien St., Ward 10, Tan Binh District, HCMC

☎ M +84 913 125 253

☎ T +84 28 3860 3888

☎ F +84 28 3860 3999

✉ business@everwin-group.com

G3.21-06, Vinhomes Greenbay, No.7 Thang Long Boulevard, Me Tri Ward, Nam Tu Liem District, Ha Noi

☎ M +84 908 398 199

✉ business@everwin-group.com

广州市天河区金穗路8号 - 星汇国际大厦22楼 F22号房

☎ M +86 - 198 7281 4318

✉ service@everwin-group.cn

Think for you Do for you
为您思考 用心服务

